TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUẢNG NINH** **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 44/2018/QĐST-HNGĐ	*Quảng Ninh, ngày 21 tháng 8 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 64/2018/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2018, giữa:

Nguyên đơn: Chị Võ Thị L, sinh năm 1985;
Địa chỉ: Xóm X, thôn Đ, xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình;

Bị đơn: Anh Nguyễn Hữu T, sinh năm 1976;
Địa chỉ: Thôn X, xã X, huyện Q, tỉnh Quảng Bình.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 8 năm 2018,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 8 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾ T ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Võ Thị L và anh Nguyễn Hữu T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về con chung:* Chị Võ Thị L và anh Nguyễn Hữu T đều thống nhất, thỏa thuận: Có 01 con chung tên là Nguyễn Hữu P, sinh ngày 06-12-2015, hiện nay đang ở với chị L; giao con cho chị L trực triếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh T tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung 1.500.000đồng/tháng, kể từ tháng 9/2018 cho đến khi con trưởng thành (đủ 18 tuổi). Các bên có nghĩa vụ, quyền về chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn theo pháp luật quy định.

- *Về tài sản chung:* Chị Võ Thị L và anh Nguyễn Hữu T đều thống nhất không có tài sản chung, không nợ ai, không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí*: Áp dụng Điều 147 Bộ luật TTDS; khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án chị Võ Thị Lvà anh Nguyễn Hữu T mỗi người phải chịu 75.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm; anh T phải chịu 150.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ. Hai bên thỏa thuận: Chị L chịu toàn bộ án phí ly hôn là 150.000đồng và án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ 150.000đồng, thay cho anh T.

Số tiền án phí chị L phải nộp được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2017/0004615 ngày 10-8-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q, tỉnh Quảng Bình.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Q.Ninh;
- UBND xã X;
- Chi cục THADS huyện Q;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN
(Đã ký)

Nguyễn Mậu Đảo

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 40-DS:

(1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ghi họ tên, địa chỉ của đương sự. Tuỳ theo độ tuổi mà ghi Ông hoặc Bà, Anh hoặc Chị trước khi ghi họ tên.

(3) Ghi họ tên của đương sự ly hôn.

(4) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành (kể cả án phí).